

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

Số: 226/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 11 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“Về việc yêu cầu xác định cha cho con”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Thư ký phiên họp: Ông Lê Trần Tấn Huy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 536/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Đ xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu:**

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp Đ xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp H xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp L xã T, huyện C, tỉnh Long An.

4. Ông Lê Hồng S, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp H xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(ông Đ, ông S có mặt, các đương sự còn lại

vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 19/10/2023, biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2023, người yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cha ông là Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C, mẹ ông tên Nguyễn Thị T2 sinh năm 1939, chết năm 2019. Cha mẹ ông có 5 người con:

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Tiết

Nguyễn Thị Thừng

Lê Hồng Sơn

Nguyễn Văn Đ

Ngoài những người con trên đây thì cha mẹ ông không còn con riêng, con nuôi nào khác.

Ông bà nội, ông bà ngoại của ông đã chết trước khi cha mẹ ông chết.

Cha mẹ của ông sống chung với nhau, có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, cha mẹ của ông sinh được 05 con chung nêu trên.

Do lúc khai sinh ông, ông A t quân dịch nên mẹ ông khai theo họ mẹ là Nguyễn Văn Đ và phần khai về cha thì để trống.

Khi còn sống ông A được cha mẹ cho phần đất ở ấp H xã T huyện C. Khi chết ông A không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông A có 5 anh chị em ông.

Nay ông yêu cầu tòa án xác định ông Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C là cha ruột của ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Hồng S1 trình bày: ông, bà là con ruột của ông Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C và bà Nguyễn Thị T2 sinh năm 1939, chết năm 2019. Ông bà nội, ngoại nội của các ông, bà đã chết. Ngoài những người con kể trên thì ông A, bà T2 không có con nuôi hay con riêng nào khác. Do khi làm giấy khai sinh cho ông Đ, ông A trốn lính nên trong Giấy khai sinh của ông Đ chỉ thể hiện họ và tên mẹ Nguyễn Thị T2, phần khai về cha thì bỏ trống. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án xác định ông A là cha của ông Đương t1 các ông, bà cũng đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C căn cứ vào Điều 88, 90, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cần Đức chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu Tòa án xác định ông Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C là cha ruột của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án xác định ông Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C là cha ruột của ông Đ, địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C nên Tòa án xác định đây là việc hôn nhân gia đình “Yêu cầu xác định cha cho con”. Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên họp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự vắng mặt bà L, bà T3, bà T1.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Văn Đ trình bày ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị T2 sống chung, có cưới hỏi, không có đăng ký kết hôn, sinh được 5 người con là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Hồng S1. Tuy nhiên khi đi khai sinh cho ông Đ do ông A trốn lính nên khai theo họ mẹ và phần liên quan “Cha” để trống. Trong bản tự khai của bà L, bà T3, bà T1, ông S1 đều xác định ông Đ là anh em ruột của mình là phù hợp với Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp.

Ngoài ra tại Đơn xin xác nhận ngày 06/11/2023 của ông Đ gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện C thì địa phương có xác nhận nội dung: ông Lê Văn A, sinh năm: 1937, chết năm 2014 hiện có 05 người con như trong đơn là đúng.

[2.2] Tại phiên họp, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp cũng đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông Đ và xác định ông Lê Văn A là cha ruột của ông Đ.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy việc ông Đ yêu cầu xác nhận ông Lê Văn A là cha của ông được mọi người trong gia đình thống nhất và không có ý kiến nào phản đối, do đó yêu cầu của ông Đ là phù hợp quy định tại Điều 88, 90, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và lời đề nghị của Kiểm sát viên nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 6 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và Điều 39; Điều 149; Điều 367, 369, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tư pháp; Điều 88, 90, 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ về việc “Xác định cha cho con”.

2. Xác định ông Lê Văn A, sinh năm 1937, chết năm 2014, nơi đăng ký thường trú trước khi chết của ông A là: ấp H xã T huyện C là cha ruột của Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C tỉnh Long An.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0002559 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Ngô Thị Thùy Diễm